

Số: 62/2020/QĐST-HNGĐ

Ân Thi, ngày 29 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 54/2020/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Phan Thị T- sinh năm 1990**
- Bị đơn: **Anh Vũ Đức N - sinh năm 1990**
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Vũ Thị Quỳnh A sinh ngày 19/6/2012

2. Cháu Vũ Mạnh Phương sinh ngày 26/9/2015

Người đại diện của cháu A, cháu P: **Chị T.**

Đều trú tại: Thôn B, xã L, Ân Thi, Hưng Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Phương: **Bà Nguyễn Thu Hiền- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm TGPL tỉnh Hưng Yên.**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/5/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/5/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị T và anh Vũ Đức N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Phan Thị T và anh Vũ Đức N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Thị Quỳnh A sinh ngày 19/6/2012 và Vũ Mạnh P sinh ngày 26/9/2015. Anh chị thỏa thuận chị T nuôi hai con chung đến khi thành niên, anh N cấp dưỡng nuôi con cho chị T 800.000đ/tháng/cháu, kể từ tháng 5/2020 cho đến khi các cháu thành niên. Anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu anh N chậm trả khoản tiền nói trên thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: Chị T tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí STDS và 150.000đ án phí cấp dưỡng (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0000535 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Chị T đã nộp đủ án phí. Anh N không phải nộp án phí cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ân Thi.
- THA dân sự huyện Ân Thi
- UBND xã L
- Các đương sự.
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phạm Bá Hân